TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 30 - 03 - 2026
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Trọng Ích

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Đê
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phạm Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:* Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2026/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 về vụ án kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2026/QĐXXST-TCDS ngày 13 tháng 03 năm 2026 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thanh T, sinh năm 2004; Địa chỉ: Xóm C, xã Q, tỉnh Ninh Bình.

* Bị đơn: Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1999; Địa chỉ: Xóm C, xã Q, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt chị T, anh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thanh T vắng mặt, trong đơn khởi kiện và lời khai của chị T tại các buổi làm việc với Toà án thể hiện: Chị kết hôn với anh Phạm Văn T1 vào ngày 01/11/2022 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình). Sau khi được cấp đăng ký kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị T cho là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, do không thể hàn gắn vợ chồng ly thân nhau từ cuối năm 2023. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T1

không còn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn T1.

Về con chung: Chị Trần Thanh T xác định vợ chồng không có.

Về tài sản chung: Chị Trần Thanh T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm chị T đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay anh Phạm Văn T1 vắng mặt nhưng lời khai trong bản tự khai và biên bản làm việc với Tòa án thể hiện: Anh thống nhất thời gian và điều kiện kết hôn đúng như chị T trình bày. Nay chị T đề nghị ly hôn thì anh không nhất trí ly hôn, còn chị muốn ly hôn thì tùy, anh đề nghị Tòa án không hòa giải và anh xin không tham gia phiên tòa.

Về con chung: Anh T1 xác nhận vợ chồng không có.

Về tài sản chung của vợ chồng anh T1 xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56; Luật hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thanh T, xử ly hôn giữa chị T và anh T1. Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Đề nghị tuyên án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Phạm Văn T1 đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình). Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình thụ lý giải quyết vụ án chị xin ly hôn anh T1 và được Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thanh T và anh Phạm Văn T1 vắng mặt, chị T và anh T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh T1 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thanh T và anh Phạm Văn T1 vào tháng 11 năm 2022, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình) cấp đăng ký kết hôn là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Ngay sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cãi chửi nhau mặc dù đã được gia đinh khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, vợ chồng đã ly thân sau chưa dược một năm chung sống, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T1 không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Anh T1 có quan điểm không nhất trí ly hôn. Xét việc xin ly hôn của chị T và quan điểm của anh T1 thấy Tòa án đã triệu tập anh chị lên để hòa giải nhưng anh T1 đề nghị không hòa giải và xin không tham gia phiên tòa thể hiện anh T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, kéo dài, hôn nhân đã tan vỡ, khả năng đoàn tụ là không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn anh T1 nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Thanh T và anh Phạm Văn T1 thống nhất vợ chồng không có.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Trần Thanh T và anh Phạm Văn T1 đều trình bày vợ chồng không có. Vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thanh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Xử ly hôn giữa chị Trần Thanh T và anh Phạm Văn T1.

2. Án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thanh T phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0000505 ngày 27/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND khu vực 11 - Ninh Bình;
- Phòng THADS Khu vực 11;
- UBND xã Quỹ Nhất;
- Các đương sự;
- Lưu án văn

Trần Trọng Ích